



Phân phối
Ủy quyền



MERCK

ThermoFisher
SCIENTIFIC

cytiva



DICKSON
Environmental Monitoring + Compliance Experts

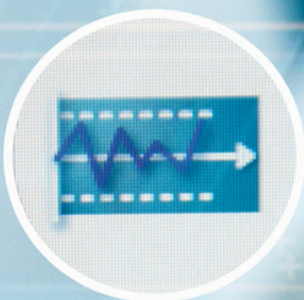
ASSOCIATES OF
CAPE COD
INCORPORATED
Specialists in Endotoxin and Glucan Detection

LABTOP®
Quality Lab Equipment

ESCO
LIFESCIENCES GROUP

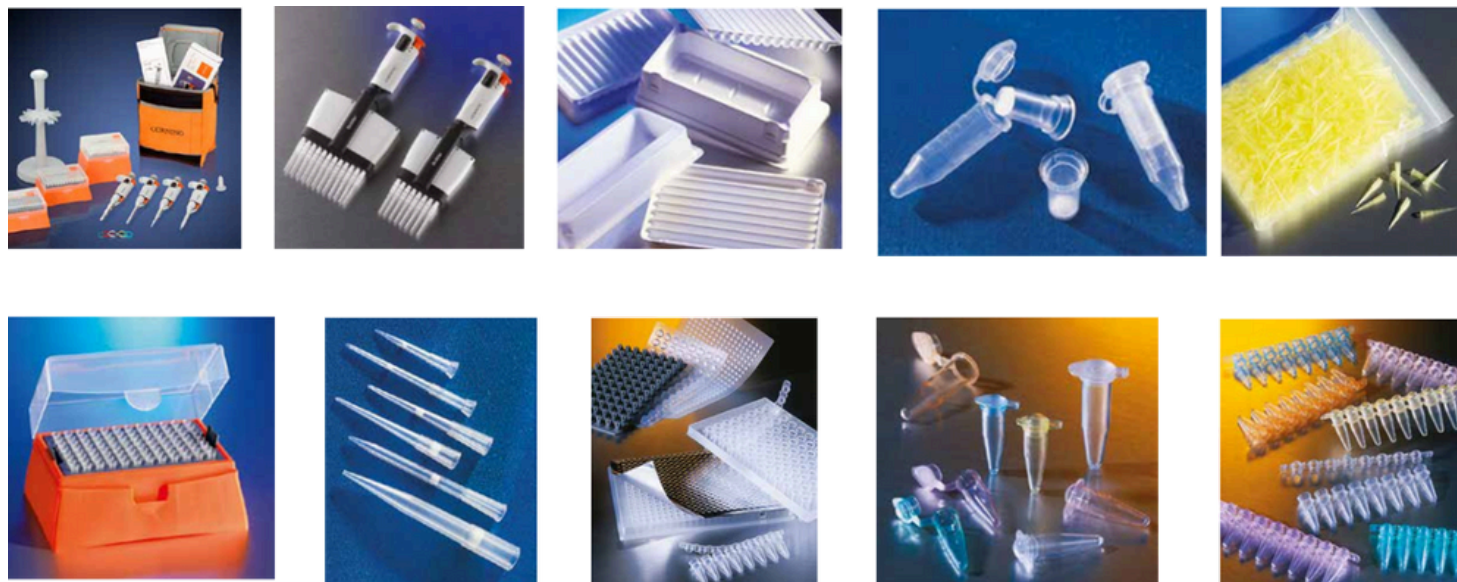


VIET ANH SCIENTIFIC

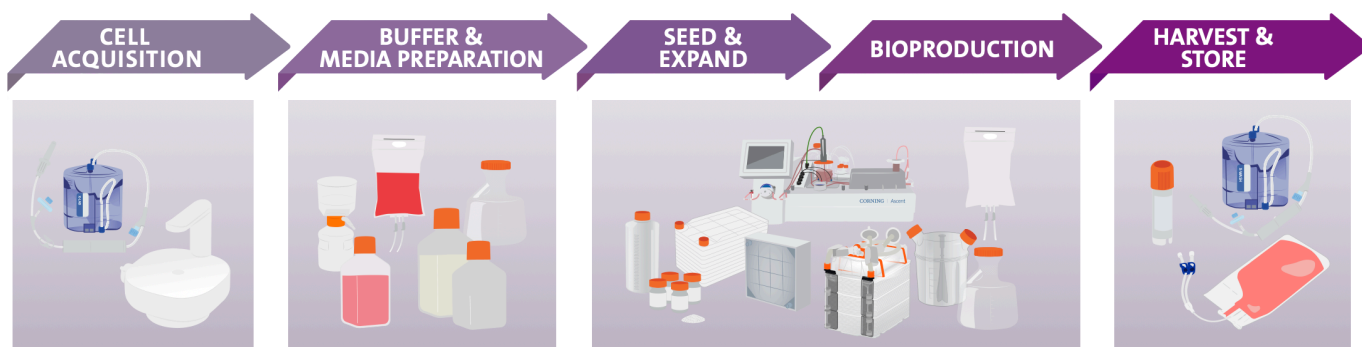


GIẢI PHÁP SINH HỌC PHÂN TỬ VÀ NUÔI CẤY TẾ BÀO

▶ Vật tư tiêu hao



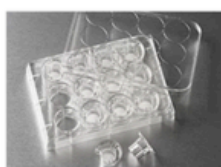
▶ Animal Vaccine Workflow Solutions



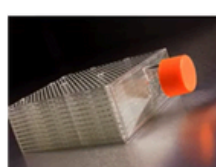
▶ Dụng cụ nuôi cấy tế bào



Chai nuôi cấy tế bào



Corning Cell Transwell



Chai đa tầng HyperFlask



Hệ thống HyperStack



Ống Cryotube



Chai đa tầng CellStack



Chai lăn



Bình khuấy Spinner



Chai lắc Erlenmayer



CoolCell

*Danh sách trên chưa phải tất cả các sản phẩm. Liên hệ thêm để được hỗ trợ tư vấn.

► Nuôi cấy tế bào



Môi trường cơ bản



Huyết thanh



Môi trường chuyển nạp



Chất bổ sung



Môi trường nuôi cấy
tế bào gốc (dành
cho nghiên cứu)



Dung dịch đệm
DPBS, PBS,...



Kháng sinh - kháng nấm



Trypsin
(có/không có
phenol red)



Nước dùng trong
pha tiêm (WFI)/
nuôi cấy tế bào/
sinh học phân tử/...

► Huyết thanh



Sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn cGMP (21 CFR 820), được FDA thanh tra và chứng nhận ISIA. Mỗi lô được kiểm nghiệm theo USP và EP 2262 để đảm bảo vô trùng, tinh khiết và an toàn.

Dòng **FBS Nam Mỹ (Cat. No. SV30160)**
chất lượng cao, tối ưu hiệu quả chi phí

Các dòng huyết thanh	Cat No.	Thể tích
Defined FBS, United States	SH30070.03	500 mL
Characterized FBS, United States	SH30071.03	500 mL
FBS, South American	SV30160.03	500 mL
Standard FBS, United States	SH30088.03	500 mL
Bovine Calf Serum, United States	SH30073.03	500 mL
Newborn Calf Serum, United States	SH30118.03	500 mL
Donor Equine Serum, United States	SH30074.03	500 mL
Porcine Serum, New Zealand	SH30908.04	1000 mL

GIẢI PHÁP LỌC NƯỚC CHO PHÒNG THÍ NGHIỆM



► Nước siêu tinh khiết - Loại 1

FROM TAP TO PURE & ULTRAPURE WATER

Milli-Q IQ
7003/05/10/15



Nước siêu tinh khiết

Milli-Q EQ
7008/16



Nước siêu tinh khiết

Hệ thống lọc nước MERCK- Milli-Q IQ series

- Cung cấp nước siêu tinh khiết loại 1 từ nguồn nước đầu vào đã xử lý như nước cất, nước RO, nước DI, EDI...
- Công nghệ độc quyền với đèn UV không thủy ngân, hạt IQ nano cho chất lượng nước vượt trội
- Bộ phân phối (tùy chọn Q-POD, E-POD) kết hợp màn hình cảm ứng thông minh Điện trở suất: 18,2MΩ.cm
- Lưu lượng phân phối lên đến 2 lít/phút
- Đáp ứng các tiêu chuẩn quản lý GLP, GMP, có thể làm IQ/OQ, PQ

► Nước tinh khiết - Loại 2

FROM PURE TO ULTRAPURE WATER

Milli-Q IX
7003/05/10/15



Elix nước tinh khiết

Elix® Essential



Elix nước tinh khiết

► Nước tinh khiết - Loại 3 & RO

FROM TAP TO PURE WATER

RiOs Essential



Nước RO



► Sản phẩm chuẩn bị mẫu



- Sản phẩm chuẩn bị mẫu
- Máy pha loãng mẫu tự động DiluCult
- Máy đập mẫu ESH
- Hệ thống chuẩn bị mẫu tự động ReadyStream

► Sản phẩm kiểm tra vi sinh vật chỉ thị



- Môi trường dạng hạt
- Môi trường hiện màu
- Môi trường cân / pha sẵn
- Đĩa môi trường dạng khô MC-Media Pad
- Đĩa định lượng theo MPN - Simplate

► Sản phẩm kiểm tra vi sinh vật gây bệnh

Môi trường truyền thống



- Môi trường dạng hạt
- Môi trường hiện màu
- Môi trường cân / pha sẵn

Kiểm nhanh



- Hệ thống Real-time PCR
- Máy / kit ELISA
- Que thử nhanh

► Sản phẩm kiểm tra vi sinh môi trường



- Thiết bị lấy mẫu vi sinh không khí MAS-100 Sirius
- Đĩa đặt và đĩa tiếp xúc
- Que và máy đo ATP
- Que phát hiện protein
- Que phủ agar

► Sản phẩm kiểm tra vi sinh theo phương pháp màng lọc



- Bộ lọc chân không
- Bơm hút chân không
- Phễu lọc và màng lọc
- Màng lọc
- Hệ thống phân phối màng lọc tự động

► Máy PCR

Máy khuếch đại axit nucleic – Các dòng máy PCR ABI



Dòng máy	Tính linh hoạt và thông lượng tối ưu	Độ tin cậy cao, kết quả chính xác tối ưu PCR	Chu trình nhiệt mạnh mẽ với chứng nhận IVD	PCR thường quy, đơn giản và chính xác	PCR thường quy
Cấu hình	ProFlex	VeritiPro	Veriti Dx	SimpliAmp	MiniAmp/MiniAmp Plus
Định dạng block	5 blockVeriFlex *3x32x0,2ml (2 vùng/block) *96x0,2ml (6 vùng/block) 2x96x0,2ml 2x flatblock 2x384x0,02 ml	*96-wellx0,2 mL (6 vùngnhiệt Veriflex) 384-wellx0,02 mL, Block đẳngnhiệt	*96-wellFast x 0,1 mL/0,2mL (6 vùngnhiệt Veriflex) 384-wellx0,02 mL bằng vậtliệu nhôm	*96-wellx0,2 mL (3 vùngnhiệt Veriflex)	*96-wellx 0,2 mL (3 vùng nhiệt Veriflex-MiniAmp Plus)
Khoảng thể tích mẫu chạy	10 - 100µl	10 - 100µl	10 - 80µl	10 - 100µl	10 - 100µl
Tốc độ gia nhiệt cho block tối đa	6°C/giây	6°C/giây	5°C/giây	4°C/giây	3,0°C/giây 3,5°C/giây (MiniAmp Plus)
Tốcđộ gia nhiệt cho mẫu tối đa	4,4°C/ giây	4,4°C/ giây	4,25°C/giây	3°C/ giây	2,2°C/ giây 2,7°C/giây (MiniAmp Plus)
Dải nhiệt độ	0 - 100°C	0 - 100°C	0 - 100°C	0 - 100°C	0 - 100°C
Độ chính xác nhiệt độ	±0,25°C trong dải nhiệt (35 - 99,9°C)	±0,25°Ctrong dải nhiệt (35- 99,9°C)	±0,25°Ctrong dải nhiệt (35- 99,9°C)	±0,25°C trong dải nhiệt (35 - 99,9°C)	±0,25°C trong dải nhiệt (35 - 99,9°C)
Độ ổn định nhiệt độ	< 0,5°C(30 giây sau khi đạt 95°C)	< 0,5°C(30 giây sau khi đạt 95°C)	< 0,5°C(20 giây sau khi đạt 95°C)	< 0,5°C(30 giây sau khi đạt 95°C)	< 0,5°C(30 giây sau khi đạt 95°C)
Kíchthước (HxDxW)	27,2 x 33x 56,5	21,7 x 24,5 x 46,5	24,5 x 23,7 x 48,5	21 x 24x 46	20 x 19x 39

GIẢI PHÁP KIỂM NGHIỆM CHỈ TIÊU NỘI ĐỘC TỔ

Chuyên về công nghệ thuốc thử tạo màu và đo độ đục, **Associates of Cape Cod, Inc. (ACC)** dẫn đầu về các sản phẩm và dịch vụ phát hiện nội độc tố và (1 → 3)-β-D-glucans trong hơn 45 năm. Đi tiên phong trong phương pháp xét nghiệm LAL và là công ty đầu tiên được FDA cấp phép sản xuất thuốc thử LAL, Cape Cod đã trở thành công ty hàng đầu được quốc tế công nhận trong lĩnh vực phát hiện nội độc tố.



► Chất chuẩn CSE

- CSE được sử dụng để dựng đường chuẩn
- Chiết xuất từ *E.coli* O113: H10 - cùng chủng với chuẩn RSE (USP)
- Bảo quản sau hoàn nguyên 2 – 8°C: Tối đa 4 tuần
- Không cấp đông CSE
- Đóng gói: 0,5 µg/lọ; 125 µg/lọ ; 10 ng/lọ



► Đệm hoàn nguyên chất thử



Pyrosol®

Hoàn nguyên chất thử để kiểm mẫu khó chỉnh pH



Glucashield®

Hoàn nguyên chất thử để kiểm mẫu chứa beta-D-glucan



LAL Reagent Water (LRW)

Hoàn nguyên chất thử để kiểm mẫu thường

► Chất thử đông gel

PYROTELL



Chất thử nội độc tố đầu tiên được FDA Hoa Kỳ cấp phép

PYROSATE



Phát hiện nhanh nội độc tố

Chất thử tạo màu ◀

PYROCHROME



Đo động học hoặc điểm cuối

CHROMO-LAL



Tối ưu cho phương pháp đo màu động học trong đĩa vi giếng

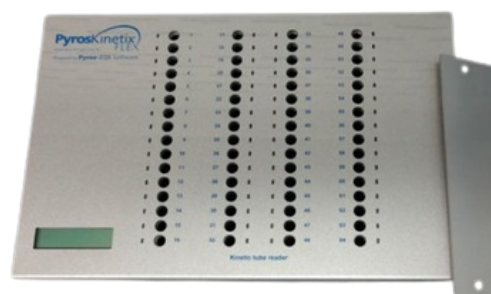
► Chất thử đo độ đục PYROTELL-T Độ nhạy

- Dùng ống: máy đọc ống Pyros Kinetix Flex: 0,001 EU/mL
- Dùng đĩa 96 giếng: máy đọc đĩa vi giếng: 0,005 EU/mL



► Máy đọc ống Pyros Kinetix Flex

- Máy đo phương pháp động học: đo độ đục & so màu
- 32, 64 hoặc 96 giếng
- Bước sóng: Tạo màu: 405 nm; Độ đục: 660 nm
- Nhiệt độ: 37°C ± 0.5°C



► Máy đọc đĩa vi giếng

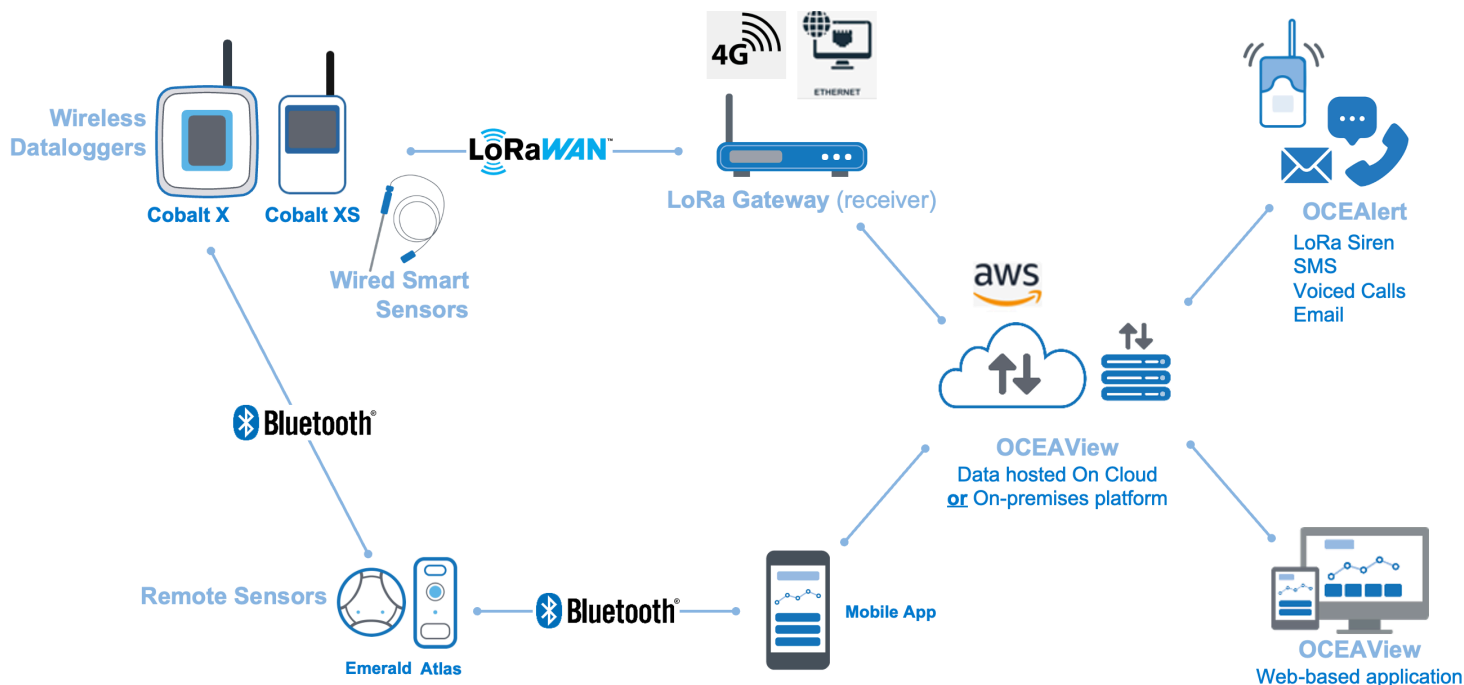
Máy đọc đĩa vi giếng (96 giếng)

- Dùng cho phương pháp đo độ đục và so màu
- Có thể lập trình tốc độ lắc
- Khả năng quét các giếng, đo điểm cuối, đo động học tốt



GIẢI PHÁP KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG

DICKSON
Environmental Monitoring + Compliance Experts

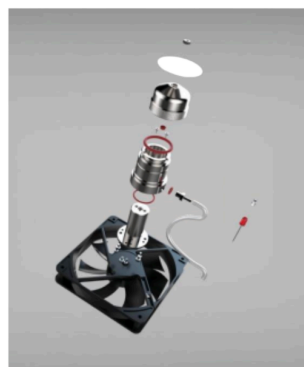


OCEAView™



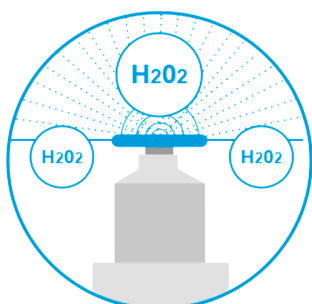
- Giám sát**
- Truy xuất nguồn gốc**
- Cảnh báo**
- BẢO VỆ TÀI SẢN**
- TUÂN THỦ QUY ĐỊNH**
- ĐƠN GIẢN HÓA VIỆC GIÁM SÁT**
- BÁO CÁO**

GIẢI PHÁP KHỬ TRÙNG PHÒNG SẠCH



Thiết kế đĩa quay độc đáo:

- Tốc độ: 48,000 rpm
- Khuếch tán đồng nhất
- Ly tâm lạnh



- Khuếch tán hơi H_2O_2 180°
- Dạng sương khô



Công nghệ tạo hạt siêu nhỏ 5-10 μm :

- Sử dụng nồng độ hóa chất thấp (độ mài mòn thấp)
- Thời gian khử trùng ngắn

► Các dòng máy khử khuẩn phòng sạch

Thể tích nhỏ



Thể tích lớn



Model	Phileas GENIUS	Phileas 25	Phileas 75	Phileas 250
Không gian khử khuẩn phù hợp	BSC, Isolator, tủ ấm, passbox...	Phòng thí nghiệm, airlock nhỏ	Phòng thí nghiệm, phòng sản xuất, airlock trung bình	Phòng thí nghiệm và phòng sản xuất lớn, khử trùng 1 lúc 2 phòng
Khoảng thể tích khử khuẩn	0,5 m ³ đến 5 m ³	1 m ³ đến 40 m ³	10 m ³ đến 165 m ³	50 m ³ đến 800 m ³
Lưu lượng dòng	0,4 lit/giờ	0,7 lit/giờ	1,2 lit/giờ	3 lit/giờ
Khả năng khử khuẩn	4-log ₁₀ , 5-log ₁₀ , 6-log ₁₀			

Phần mềm MyPhileas



- Thiết lập chương trình và kiểm soát, theo dõi quá trình khử khuẩn từ xa
- Kết nối tối đa 5 thiết bị

Hoá chất khử khuẩn



H2O2 7,4%

Dung dịch trong suốt pH 3 ± 1
Mật độ: 1,02 (ở 20°C)
Thể tích: 2L; 10L



H2O2 7,3% + acid peracetic 0,15%

Dung dịch trong suốt pH 3 ± 1
Mật độ: 1,02 (ở 20°C)
Thể tích: 1L; 5L; 10L

The background of the page features a laboratory setting. In the upper portion, a metal test tube rack holds several test tubes, some containing a blue liquid. In the lower foreground, a glass beaker is filled with the same blue liquid. A pipette is visible on the left side, its tip pointing towards the beaker. The entire scene is bathed in a soft blue light, creating a clean and scientific atmosphere.

THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Thiết bị phòng thí nghiệm từ hãng LABTOP



► Máy ly tâm



- Dòng máy ly tâm thường
- Dòng máy ly tâm lạnh (-10°C to 30°C; -20°C to 40°C)
- Dòng máy ly tâm lạnh tốc độ cao (-20°C to 40°C)

► Thiết bị thử nghiệm độ ổn định



- Stability Test Chamber (LSC) – Tủ ổn định nhiệt độ và độ ẩm.
- Photo Stability Chamber (LPC) – Tủ kiểm tra độ ổn định ánh sáng.
- Plant Growth Chamber (LGC) – Tủ nuôi trồng thực vật.
- Seed Germinator (LSG) – Tủ ươm hạt giống.
- Laboratory Refrigerator (LLR) – Tủ lạnh phòng thí nghiệm.
- Cooling Incubator (LCI) – Tủ ủ lạnh.
- Bacteriological Incubator (LBI) – Tủ ủ vi sinh.
- Laboratory Oven (LLO) – Tủ sấy phòng thí nghiệm.

► Máy lắc/ Máy ủ mẫu



- Three Tier Orbital Shaker (LOS) – Máy lắc quỹ đạo ba tầng.
- Double Tier Orbital Shaker (LOS) – Máy lắc quỹ đạo hai tầng.
- Single Tier Orbital Shaker (LOS) – Máy lắc quỹ đạo một tầng.
- Multi Tube Biomixer (LBM) – Máy trộn ống nghiệm đa ống.
- Environmental Shaking Incubator (LSI) – Tủ ủ lắc điều kiện môi trường.
- Orbital Shaking Incubator (LSI) – Tủ ủ lắc quỹ đạo.

► Tủ âm



- Ultra Biofreeze -80°C (LUBF) – Tủ âm sâu siêu lạnh -80°C.
- Biofreeze -40°C (LBF) – Tủ âm sâu -40°C.
- Deep Freezer -20°C (LDF) – Tủ đông sâu -20°C.
- Ice Lined Freezer (LIF) – Tủ đông cách nhiệt.
- Ice Lined Refrigerator (LIR) – Tủ lạnh cách nhiệt.
- Circulating Chiller (LCB) – Bộ làm lạnh tuần hoàn.
- Recirculating Chiller Bath (LRB) – Bể làm lạnh tuần hoàn.

*Danh sách trên chưa phải tất cả các sản phẩm. Liên hệ thêm để được hỗ trợ tư vấn.

► Walk in chambers



- Walk-in Stability Chamber (LSC) – buồng ổn định môi trường.
- Walk-in Plant Growth Chamber (LGC) – buồng nuôi trồng thực vật.
- Walk-in Refrigerator (LLR) – buồng lạnh bảo quản.
- Walk-in Cooling Incubator (LCI) – buồng ủ lạnh.
- Walk-in Bacteriological Incubator (LBI) – buồng ủ vi sinh.
- Walk-in Deep Freezer (LDF) – buồng đông sâu.
- Walk-in Blood Bank Refrigerator (LBR) – buồng lạnh ngân hàng máu.

Các dòng tủ từ hãng ESCO



► Tủ Laminar - Tủ an toàn sinh học - Tủ PCR - Tủ hút khí độc



Tủ Laminar



Tủ PCR



Tủ an toàn sinh học



Tủ hút khí độc





Liên hệ chúng tôi

Điện thoại

- Hà Nội: 024 3783 1852
- TP. Hồ Chí Minh: 028 3517 1160

Địa chỉ

- Số 15 Xuân Quỳnh, Phường Yên Hoà, TP. Hà Nội
- Số 45 Hoa Mai, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh

Website

- www.vietanhco.com.vn

/ThietbiKhoahocVietAnh

